

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2023/DS-ST

Ngày: 29 – 8 – 2023

*“V/v Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Tín Hiền.

2. Ông Triệu Lát.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:
Ông Âu Hoàng Mến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP phát triển Th.

Địa chỉ: Số nhà 25Bis Ng , phường B , Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Hồng Ch , sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 179-179A đường Tr , Phường C, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

*** Bị đơn:**

- Ông Trương Minh S , sinh năm 1985 (Vắng mặt).

- Bà Sơn Thị L , sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/3/2023 của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện do nguyên đơn ủy quyền bà Lê Hồng Ch trình bày:

Ngân hàng TMCP phát triển Th – Chi nhánh Sóc Trăng (gọi tắt là Ngân hàng) đã cho ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L vay tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0071/22/CNST/HĐTD ngày 13/4/2022 và đã nhận tiền theo khế ước nhận nợ số 0071/22/CNST/HĐTD/KUNN01 ngày 15/4/2022 với số tiền vay là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng); thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 16/4/2022 đến ngày 15/4/2023; lãi suất 12%/năm và được điều chỉnh theo từng thời kỳ; mục đích vay là bổ sung vốn chăn nuôi.

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng trên, ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản 0052/22CNST/HĐBĐ ngày 13/4/2022, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 11.900,6m² thuộc thửa 690 tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Th , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trương Minh S đứng tên.

Trong quá trình vay, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông S và bà L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 29/8/2023, ông S và bà L còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 448.347.344đ (bốn trăm bốn mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng); trong đó vốn gốc là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 38.315.646đ (ba mươi tám triệu ba trăm mười lăm nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 30.031.698đ (ba mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng).

Nay, Ngân hàng TMCP phát triển Th yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông S và bà L phải thanh toán số nợ nêu trên. Đồng thời, ông S và bà L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông S và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu

cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, bà Ch yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Bị đơn bà Sơn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày:* Đúng là vợ chồng bà L có vay của Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0071/22/CNST/HĐTD ngày 13/4/2022 và đã nhận tiền theo khế ước nhận nợ số 0071/22/CNST/HĐTD/KUNN01 ngày 15/4/2022 với số tiền vay là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng); thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 16/4/2022 đến ngày 15/4/2023; lãi suất 12%/năm và được điều chỉnh theo từng thời kỳ; mục đích vay là bổ sung vốn chăn nuôi.

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng trên, ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản 0052/22CNST/HĐBĐ ngày 13/4/2022, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 11.900,6m² thuộc thửa 690 tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Th , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trương Minh S đứng tên.

Bà L thống nhất số nợ đúng như lời người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, bà L yêu cầu Ngân hàng gia hạn cho vợ chồng bà L khi nào bán đất sẽ trả toàn bộ số nợ nêu trên cho Ngân hàng. Nếu vợ chồng bà không trả tiền cho Ngân hàng thì bà L đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bà L yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đối với bị đơn ông Trương Minh S : Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông S không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành triệu tập các đương sự và ông S cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự được biết và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 15/8/2023, ông S vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên

Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng bị đơn Trương Minh S và Sơn Thị L mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai ông S và bà L vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S và bà L theo quy định của pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi đến ngày 29/8/2023 tổng cộng là 448.347.344đ (bốn trăm bốn mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng); trong đó vốn gốc là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 38.315.646đ (ba mươi tám triệu ba trăm mười lăm nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 30.031.698đ (ba mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng). Đồng thời, vợ chồng ông S và bà L còn phải tiếp tục liên đới trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng kể từ ngày 30/8/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp vợ chồng ông S và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L cư trú tại ấp N, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L .

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Xét tính hiệu lực của Hợp đồng tín dụng số 0071/22/CNST/HĐTD ngày 13/4/2022. Vợ chồng ông S và bà L đã nhận đủ số tiền vay là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng) theo khế ước nhận nợ số 11879/20MN/HĐTD/KUNN01 ngày 23/6/2020; mục đích vay là bổ sung vốn chăn nuôi. Nội dung của hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định hợp đồng tín dụng số 0071/22/CNST/HĐTD ngày 13/4/2022 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng. Thực hiện Hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân và vợ chồng ông S và bà L đã nhận đủ tiền vay là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng. Như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, vợ chồng ông S và bà L đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng như thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, vợ chồng ông S và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phải trả toàn bộ số nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[2.1.2] Đối với nợ lãi: Hợp đồng tín dụng số 0071/22/CNST/HĐTD ngày 13/4/2022 có lãi suất thỏa thuận là 12%/năm và được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, vợ chồng ông S và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S và bà L phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông S và bà L liên đới trả tiền các khoản nợ trên cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên hòa giải theo lời trình bày của bà L thì việc vay nợ của vợ chồng ông S và bà L mục đích để bổ sung vốn chăn nuôi, cùng phát triển kinh tế gia đình, mục đích là tìm kiếm lợi nhuận để phục vụ cho nhu cầu kinh tế chung của gia đình. Ông S và bà L là vợ chồng, cùng lao động, cùng sinh hoạt trong gia đình và cùng lấy tài sản chung để đảm bảo cho khoản nợ vay. Do đó, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông S và bà L cùng liên đới trả các khoản nợ vốn và lãi cho Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 30/8/2023, vợ chồng ông S và bà L còn phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với yêu cầu đề nghị xử lý khối tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, vợ chồng ông S và bà L đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 0052/22CNST/HĐBĐ ngày 13/4/2022, tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số DC 756104, được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trương Minh S ngày 17/02/2022. Diện tích 11.900,6m² thuộc thửa 690 tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Th, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; có vị trí, tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 691.
- + Hướng Tây giáp đất thửa 87.
- + Hướng Nam giáp thửa 113.
- + Hướng Bắc giáp thửa 86.

Tài sản trên đất là của vợ chồng ông S và bà L hiện do vợ chồng ông S và bà L quản lý sử dụng, gồm có:

- + 01 căn chòi giữ Tôm, cột cây, mái lợp tol xi măng, đòn tay tre, vách tol thiết, nền đất; chiều ngang 6m x chiều dài 6m.
- + 02 ao bạc nuôi Tôm (trong đó có 01 ao nổi).
- + 04 ao đất nuôi Tôm.

Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản thì vợ chồng ông S và bà L tự nguyện, trực tiếp ký kết với Ngân hàng. Tại phiên tòa sơ thẩm và trong quá trình giải quyết vụ án, bà L thừa nhận phần tài sản trên đất là tài sản của vợ chồng ông S và bà L và hiện nay vợ chồng ông S và bà L đang quản lý sử dụng. Đồng thời, bà L đồng ý cho Ngân hàng được đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án nếu vợ chồng ông S và bà L không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử nhận định: Khi ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản, đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp do hai bên ký kết có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó, trường hợp vợ chồng ông S và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vợ chồng ông S và bà L phải liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên vợ chồng ông S và bà L phải liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền nêu trên là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vợ chồng ông S và bà L phải liên đới chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[5] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 295, 303, 325, 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển Th đối với bị đơn vợ chồng ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn vợ chồng ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển Th dư nợ tính đến ngày 29/8/2023 tổng cộng là 448.347.344đ (bốn trăm bốn mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng); trong đó vốn gốc là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 38.315.646đ (ba mươi tám triệu ba trăm mười lăm nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 30.031.698đ (ba mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng).

Đồng thời vợ chồng ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L còn phải liên đới trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 30/8/2023 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

3. Trường hợp vợ chồng ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển Th thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu xử lý tài sản thế chấp theo Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 0052/22CNST/HĐBĐ ngày 13/4/2022, tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số DC 756104, được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trương Minh S ngày

17/02/2022. Diện tích 11.900,6m² thuộc thửa 690 tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Th , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; có vị trí, tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 691.
- + Hướng Tây giáp đất thửa 87.
- + Hướng Nam giáp thửa 113.
- + Hướng Bắc giáp thửa 86.

Tài sản trên đất là của vợ chồng ông S và bà L hiện do vợ chồng ông S và bà L quản lý sử dụng, gồm có:

+ 01 căn chòi giữ Tôm, cột cây, mái lợp tol xi măng, đòn tay tre, vách tol thiết, nền đất; chiều ngang 6m x chiều dài 6m.

+ 02 ao bạc nuôi Tôm (trong đó có 01 ao nổi).

+ 04 ao đất nuôi Tôm.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L liên đới chịu là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã nộp xong, vợ chồng ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả lại cho nguyên đơn 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Trương Minh S và bà Sơn Thị L phải liên đới chịu là 21.933.893đ (hai mươi một triệu chín trăm ba mươi ba nghìn tám trăm chín mươi ba đồng)

Ngân hàng TMCP phát triển Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP phát triển Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.266.081đ (mười triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm tám mươi một đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007881 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; Riêng bị đơn Trương Minh S và Sơn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU